

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG

- Mã chứng khoán: VMT
- Địa chỉ: 184 đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0236 3821240 Fax: 0236 3821310
- Email: info@vinatransdn.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận tải Miền Trung (Chi tiết theo file đính kèm).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn <http://www.vinatransdn.com.vn/co-dong/tin-tuc-danh-cho-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:

Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT, TK HDQT

**CTCP GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



LÊ HOÀNG NHƯ UYÊN
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc và Phê duyệt của Hội đồng Quản Trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 ngày 12 tháng 8 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, GCNĐKDN này được điều chỉnh 16 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 5 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VMT theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh và một (1) văn phòng đại diện đang hoạt động tại các tỉnh/thành phố khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Hoàng Như Uyên	Chủ tịch Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024 từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch Thành viên độc lập	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024 bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2024
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên độc lập	
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng ban	
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2024
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2024
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2024
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 5 năm 2024

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Giám đốc	từ nhiệm 31 tháng 7 năm 2024
Ông Lê Thanh Định	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Hoàng Như Uyên	Chủ tịch	từ ngày 12 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch	đến ngày 11 tháng 8 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Lê Hoàng Như Uyên
Chủ tịch

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12761246/67733723-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoảng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		28.280.328.171	31.718.007.533
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.005.129.542	10.414.581.944
111	1. Tiền		4.956.563.065	3.406.773.725
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.048.566.477	7.007.808.219
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.165.452.055	4.110.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.165.452.055	4.110.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.374.505.195	6.910.285.133
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	4.014.384.056	5.615.046.477
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	142.449.475	246.687.080
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	217.671.664	1.048.551.576
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		9.735.241.379	10.283.140.456
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	592.515.700	456.861.376
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	9.091.668.775	9.826.279.080
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	51.056.904	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		134.428.865.677	138.983.634.067
220	I. Tài sản cố định		130.376.863.165	134.158.587.206
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	115.752.248.151	119.533.972.192
222	Nguyên giá		135.626.954.935	136.363.093.645
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.874.706.784)	(16.829.121.453)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	14.624.615.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	II. Bất động sản đầu tư	11	223.719.102	234.686.042
231	1. Nguyên giá		1.710.425.811	1.710.425.811
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.486.706.709)	(1.475.739.769)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		396.579.500	396.579.500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.8	396.579.500	396.579.500
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		994.200.000	994.200.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	994.200.000	994.200.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.437.503.910	3.199.581.319
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	2.437.503.910	3.199.581.319
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		162.709.193.848	170.701.641.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		105.745.356.232	112.591.157.893
310	I. Nợ ngắn hạn		39.193.542.918	53.724.228.389
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.808.458.065	4.401.997.656
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		20.097.463	7.441.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	38.764.436	394.755.830
314	4. Phải trả người lao động		5.520.712	412.305.211
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	157.452.233	230.872.393
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	668.227.273	623.727.273
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.555.777.142	3.636.202.835
320	8. Vay ngắn hạn	19	28.630.232.380	43.630.232.380
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	309.013.214	386.693.214
330	II. Nợ dài hạn		66.551.813.314	58.866.929.504
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	346.000.000	346.000.000
338	2. Vay dài hạn	19	66.205.813.314	58.520.929.504
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		56.963.837.616	58.110.483.707
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	56.963.837.616	58.110.483.707
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.939.161.654	2.939.161.654
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.131.675.962	23.278.322.053
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		23.278.322.053	23.213.069.255
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(1.146.646.091)	65.252.798
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		162.709.193.848	170.701.641.600

[Signature]

[Signature]



Lê Thị Mơ
Người lập

Lê Anh Thư
Kế toán trưởng

Lê Hoàng Như Uyên
Chủ tịch

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	21.1	18.161.987.303	30.029.837.715
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	(13.999.270.949)	(24.639.201.764)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		4.162.716.354	5.390.635.951
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	280.092.660	157.413.120
22	5. Chi phí tài chính	23	(3.439.941.500)	(3.807.093.028)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(3.439.935.887)	(3.799.829.439)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(2.145.675.609)	(1.843.632.567)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.142.808.095)	(102.676.524)
31	8. Thu nhập khác	25	127.789.964	-
32	9. Chi phí khác		(20.052.203)	(5.339.518)
40	10. Lợi nhuận (lỗ) khác		107.737.761	(5.339.518)
50	11. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.035.070.334)	(108.016.042)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(111.575.757)	(300.681.428)
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	321.216.733
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(1.146.646.091)	(87.480.737)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.5	(364)	(28)
71	16. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	20.5	(364)	(28)

Lê Thị Mơ

Lê Thị Mơ
Người lập

Lê Anh Thư

Lê Anh Thư
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Như Uyên
Chủ tịch

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(1.035.070.334)	(108.016.042)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	9, 11	3.777.555.569	3.759.408.743
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(136.600.557)	125.538
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(278.172.845)	(144.075.741)
06	Chi phí lãi vay	23	3.439.935.887	3.799.829.439
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.767.647.720	7.307.271.937
09	Giảm các khoản phải thu		3.197.039.306	5.292.376.777
11	Giảm các khoản phải trả		(62.745.682)	(3.186.028.118)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		626.423.085	(311.743.570)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.427.716.709)	(2.793.171.890)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(514.054.724)	(287.359.420)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(77.680.000)	(293.761.709)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.508.912.996	5.727.584.007
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(824.355.460)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		114.500.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		145.650.235	144.075.741
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		260.150.235	(680.279.719)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay	19	(7.315.116.190)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(7.315.116.190)	-
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(546.052.959)	5.047.304.288
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.414.581.944	11.208.212.039
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		136.600.557	(10.473.945)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	10.005.129.542	16.245.042.382

Lê Thị Mơ
Người lập

Lê Anh Thư
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Như Uyên
Chủ tịch

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 ngày 12 tháng 8 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, GCNĐKDN này được điều chỉnh 16 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25 tháng 5 năm 2023.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VMT theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có một (1) chi nhánh và một (1) văn phòng đại diện đang hoạt động tại các tỉnh/thành phố khác của Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 47 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 59).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	20 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lỗ trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty, sau khi đã điều chỉnh việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có), cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, kinh doanh dịch vụ lưu kho và văn phòng. Trong đó, hoạt động cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề vận tải và kho vận, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	63.457.341	19.788.561
Tiền gửi ngân hàng	4.893.105.724	3.386.985.164
Các khoản tương đương tiền (*)	5.048.566.477	7.007.808.219
TỔNG CỘNG	10.005.129.542	10.414.581.944

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,85%/năm đến 3,50%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại không quá mười hai (12) tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất từ 4,05%/năm đến 5,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ bên thứ ba	3.915.205.496	4.662.465.957
Công ty Cổ phần Logistic SC	425.790.691	519.063.299
Công ty TNHH MTV Huỳnh Gia Hân Phát	363.000.000	320.000.000
Công ty TNHH Mãi Tín Bình Định	346.601.680	94.787.889
Các khách hàng khác	2.779.813.125	3.728.614.769
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	99.178.560	952.580.520
TỔNG CỘNG	4.014.384.056	5.615.046.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN
(tiếp theo)

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT	66.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	-	197.288.080
Các nhà cung cấp khác	76.449.475	49.399.000
TỔNG CỘNG	142.449.475	246.687.080

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi tiền gửi	71.341.937	33.229.370
Tạm ứng cho nhân viên	28.747.831	57.314.128
Chi trả hộ (Thuyết minh số 28)	-	950.266.236
Khác	117.581.896	7.741.842
TỔNG CỘNG	217.671.664	1.048.551.576

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	592.515.700	456.861.376
Công cụ, dụng cụ	415.236.691	63.016.375
Chi phí bảo hiểm	139.071.053	327.453.868
Chi phí thuê văn phòng	14.000.000	27.500.000
Khác	24.207.956	38.891.133
Dài hạn	2.437.503.910	3.199.581.319
Công cụ dụng cụ	1.281.078.857	1.805.918.754
Tiền thuê đất	836.293.626	955.764.144
Khác	320.131.427	437.898.421
TỔNG CỘNG	3.030.019.610	3.656.442.695

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	94.350.939.500	37.335.155.154	4.644.089.900	32.909.091	136.363.093.645
Thanh lý	-	-	(736.138.710)	-	(736.138.710)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	94.350.939.500	37.335.155.154	3.907.951.190	32.909.091	135.626.954.935
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.136.178.789	163.525.377	990.297.909	-	3.290.002.075
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(8.754.911.354)	(5.811.796.594)	(2.249.249.865)	(13.163.640)	(16.829.121.453)
Khấu hao trong kỳ	(1.929.152.425)	(1.629.647.221)	(204.498.078)	(3.290.905)	(3.766.588.629)
Thanh lý tài sản có định	-	-	721.003.298	-	721.003.298
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(10.684.063.779)	(7.441.443.815)	(1.732.744.645)	(16.454.545)	(19.874.706.784)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	85.596.028.146	31.523.358.560	2.394.840.035	19.745.451	119.533.972.192
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	83.666.875.721	29.893.711.339	2.175.206.545	16.454.546	115.752.248.151

Trong đó:
Giá trị còn lại được sử dụng để thế
chấp (Thuyết minh số 19)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất lâu dài sau đây:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 19.3*);
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 19.3*).

VND

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 14.624.615.014

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 -

Giá trị còn lại:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 14.624.615.014

Trong đó:

Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (*Thuyết minh số 19*) 8.678.289.600

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Nhà cửa vật kiến trúc

Nguyên giá:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 1.710.425.811

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1.475.739.769)

Khấu hao trong kỳ (10.966.940)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1.486.706.709)

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 234.686.042

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 223.719.102

Trong đó:

Giá trị còn lại được sử dụng để thế chấp (*Thuyết minh số 19*) -

Bất động sản đầu tư của Công ty là một phần của Tòa nhà tọa lạc tại 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, ngôi nhà tọa lạc tại 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và một phần của tòa nhà tọa lạc tại 109-111 Lê Đức Thọ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại Thuyết minh số 21.1 và Thuyết minh số 22.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường của tài sản, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
	Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương	79.706	994.200.000	-	3.546.917.000	994.200.000	-	2.678.121.600

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương ("VNT") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 4 năm 2003, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh điều chỉnh. VNT có trụ sở chính tại số 02 Bích Cầu, phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của VNT là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả các bên bên khác	1.859.491.468	4.028.253.856
Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam)	449.724.116	48.025.557
Công ty Cổ phần Tiếp Vận SME	300.000.000	300.000.000
Các bên khác	1.109.767.352	3.680.228.299
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	948.966.597	373.743.800
TỔNG CỘNG	2.808.458.065	4.401.997.656

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ

			VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.826.279.080	549.998.296	(1.284.608.601)	9.091.668.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	514.054.724	(462.997.820)	51.056.904
TỔNG CỘNG	9.826.279.080	1.064.053.020	(1.747.606.421)	9.142.725.679
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	43.031.971	90.438.598	(94.706.133)	38.764.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.422.063	111.575.757	(462.997.820)	-
Thuế giá trị gia tăng	301.796	732.628.509	(732.930.305)	-
Các loại thuế khác	-	24.741.843	(24.741.843)	-
TỔNG CỘNG	394.755.830	959.384.707	(1.315.376.101)	38.764.436

15. CHI PHI PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	63.130.455	98.202.929
Chi phí khác	94.321.778	132.669.464
TỔNG CỘNG	157.452.233	230.872.393

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	668.227.273	623.727.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	6.555.777.142	3.636.202.835
Lãi vay phải trả (Thuyết minh số 28)	4.571.671.263	3.559.452.085
Tiền cọc	1.720.500.000	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	162.000.000	-
Khác	101.605.879	76.750.750
Dài hạn	346.000.000	346.000.000
Tiền cọc	346.000.000	346.000.000
TỔNG CỘNG	<u>6.901.777.142</u>	<u>3.982.202.835</u>

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	386.693.214	534.268.734
Tăng trong kỳ	-	450.000.000
Giảm trong kỳ	(77.680.000)	(293.761.709)
Số cuối kỳ	<u>309.013.214</u>	<u>690.507.025</u>

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay ngắn hạn	43.630.232.380	-	(7.315.116.190)	(7.684.883.810)	28.630.232.380
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	14.630.232.380	-	(7.315.116.190)	7.315.116.190	14.630.232.380
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	29.000.000.000	-	-	(15.000.000.000)	14.000.000.000
Vay dài hạn	58.520.929.504	-	-	7.684.883.810	66.205.813.314
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	58.520.929.504	-	-	(7.315.116.190)	51.205.813.314
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.2)	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	102.151.161.884	-	(7.315.116.190)	-	94.836.045.694

19.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 28) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Transimex	14.000.000.000	%/năm	Tháng	Ngày 15 tháng 6 năm 2025	Tin chấp

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 28) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Công ty Cổ phần Transimex	<u>15.000.000.000</u>	7	12	Ngày 22 tháng 7 năm 2025	Tin chấp

19.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Ngân hàng Shinhan Bank	<u>65.836.045.694</u>	7	84	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2028	Các Quyền sử dụng đất trị giá 8.678.289.600 VND tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và quyền sử dụng đất theo số 57854 cấp ngày 17 tháng 6 năm 2002 của UBND Thành phố Đà Nẵng tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và tài sản hình thành trên đất (Thuyết minh số 9, 10, 11)

Trong đó:

Vay dài hạn 51.205.813.314
Vay dài hạn đến hạn trả 14.630.232.380

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	23.723.830.216	58.495.230.909
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(87.480.737)	(87.480.737)
Trích lập các quỹ	-	-	60.760.961	(510.760.961)	(450.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	31.500.000.000	393.000.000	2.939.161.654	23.125.588.518	57.957.750.172
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	31.500.000.000	393.000.000	2.939.161.654	23.278.322.053	58.110.483.707
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.146.646.091)	(1.146.646.091)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	31.500.000.000	393.000.000	2.939.161.654	22.131.675.962	56.963.837.616

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Vốn cổ phần

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	3.150.000	31.500.000.000	100,00	31.500.000.000

20.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

Vốn cổ phần	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số cuối kỳ và số đầu kỳ	31.500.000.000	31.500.000.000

20.4 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	3.150.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: VND 10.000).
Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Lỗ trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lỗ thuần sau thuế TNDN (VND)	(1.146.646.091)	(87.480.737)
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	-
Lỗ thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.146.646.091)	(87.480.737)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.150.000	3.150.000
Lỗ cơ bản (VND/cổ phiếu)	(364)	(28)
Lỗ suy giảm (VND/cổ phiếu)	(364)	(28)

(*) Lỗ dùng để tính lỗ trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT và BKS từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế của kỳ hiện tại.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu dịch vụ kho vận	11.324.773.331	10.995.631.549
Doanh thu dịch vụ giao nhận và vận tải	5.599.128.116	18.057.260.421
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.238.085.856	976.945.745
DOANH THU THUẦN	18.161.987.303	30.029.837.715
Trong đó:		
Các bên khác	17.471.286.212	25.979.598.623
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	690.701.091	4.050.239.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi tiền gửi	183.762.802	74.481.741
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	94.934.422	6.903.905
Lãi trái phiếu	-	69.594.000
Khác	1.395.436	6.433.474
TỔNG CỘNG	<u>280.092.660</u>	<u>157.413.120</u>

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn dịch vụ lưu kho	9.117.142.452	8.887.419.245
Giá vốn dịch vụ vận tải	4.824.258.940	15.725.058.121
Giá vốn cho thuê văn phòng	57.869.557	26.724.398
TỔNG CỘNG	<u>13.999.270.949</u>	<u>24.639.201.764</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí lãi vay	3.439.935.887	3.799.829.439
Chi phí tài chính khác	5.613	7.263.589
TỔNG CỘNG	<u>3.439.941.500</u>	<u>3.807.093.028</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí nhân viên	1.112.262.391	1.137.783.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	670.567.526	181.426.040
Chi phí khấu hao và hao mòn	50.715.614	82.724.676
Khác	312.130.078	441.698.216
TỔNG CỘNG	<u>2.145.675.609</u>	<u>1.843.632.567</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thanh lý tài sản cố định	94.410.043	-
Khác	33.379.921	-
TỔNG CỘNG	<u>127.789.964</u>	<u>-</u>

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.842.623.632	16.810.202.060
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 9, 11</i>)	3.777.555.569	3.759.408.743
Chi phí nhân viên	3.729.852.215	4.312.399.211
Khác	794.915.142	1.600.824.317
TỔNG CỘNG	<u>16.144.946.558</u>	<u>26.482.834.331</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	111.575.757	300.681.428
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(321.216.733)
TỔNG CỘNG	<u>111.575.757</u>	<u>(20.535.305)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
		VND
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(1.035.070.334)	(108.016.042)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(207.014.067)	(21.603.208)
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	318.589.824	1.067.903
Chi phí thuế TNDN	111.575.757	(20.535.305)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lỗ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

27.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2024
2023	2028	2.543.777.338	-	-	2.543.777.338
2024	2029	1.488.896.917	-	-	1.488.896.917
TỔNG CỘNG		4.032.674.255	-	-	4.032.674.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Bên liên quan</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Chủ tịch (bỏ nhiệm từ ngày 31 tháng 7 năm 2024)
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên độc lập HĐQT (đến ngày 30 tháng 7 năm 2024) Chủ tịch (từ nhiệm từ ngày 31 tháng 7 năm 2024)
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên độc lập HĐQT (từ ngày 31 tháng 7 năm 2024)
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Võ Thành Đồng	Trưởng Ban kiểm soát Thành viên BKS (bỏ nhiệm từ ngày 8 tháng 5 năm 2024)
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên BKS (bỏ nhiệm từ ngày 8 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS (từ nhiệm từ ngày 8 tháng 5 năm 2024)
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS (từ nhiệm từ ngày 8 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 31 tháng 7 năm 2024)
Ông Lê Thanh Định	Phó Giám đốc (bỏ nhiệm từ ngày 1 tháng 8 năm 2024)

Điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Nghiệp vụ với các bên liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Sử dụng dịch vụ	1.062.988.446	2.269.201.127
	Lãi vay	1.012.219.178	1.006.657.549
	Cung cấp dịch vụ	233.809.091	567.691.395
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	452.092.000	3.423.064.640
	Sử dụng dịch vụ	101.363.695	3.228.618.758
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	43.348.000	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	4.800.000	45.830.422
	Sử dụng dịch vụ	-	10.482.500
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Sử dụng dịch vụ	-	41.371.845
	Cung cấp dịch vụ	-	11.052.635
Công ty Cổ phần Transimex Logistics	Cung cấp dịch vụ	-	2.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	53.818.560	952.580.520
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	45.360.000	-
		<u>99.178.560</u>	<u>952.580.520</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Chi trả hộ	-	950.266.236
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Sử dụng dịch vụ	921.219.237	372.762.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	27.747.360	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Sử dụng dịch vụ	-	981.800
		<u>948.966.597</u>	<u>373.743.800</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Lãi vay	4.571.671.263	3.559.452.085
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Chi trả hộ	6.227.496	-
		<u>4.577.898.759</u>	<u>3.559.452.085</u>
<i>Vay ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	<u>14.000.000.000</u>	<u>29.000.000.000</u>
<i>Vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	<u>15.000.000.000</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và tiền lương của các thành viên Ban Giám đốc ("BGĐ") trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2024)	216.042.120	-
Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 31 tháng 7 năm 2024)	30.000.000	30.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên độc lập HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên độc lập HĐQT	21.000.000	21.000.000
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên độc lập HĐQT (đến ngày 31 tháng 7 năm 2024)	21.000.000	21.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	21.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	21.000.000	21.000.000
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS (đến ngày 8 tháng 5 năm 2024)	6.345.000	9.000.000
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS (đến ngày 8 tháng 5 năm 2024)	6.345.000	9.000.000
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS (từ ngày 8 tháng 5 năm 2024)	2.655.000	-
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên BKS (từ ngày 8 tháng 5 năm 2024)	2.655.000	-
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 5 năm 2023)	-	193.770.499
Ông Hồ Văn Tú	Phó Giám đốc (đến ngày 15 tháng 9 năm 2023)	-	164.064.090
TỔNG CỘNG		369.042.120	495.834.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	1.537.141.819	1.187.181.819
Từ 1 đến 5 năm	1.591.767.273	1.510.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.128.909.092</u>	<u>2.697.181.819</u>

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	84.000.000	-
Từ 1 đến 5 năm	77.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>161.000.000</u>	<u>-</u>

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Lê Thị Mơ
Người lập



Lê Anh Thư
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Như Uyên
Chủ tịch

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024